

Tính hiếu học của người Việt Nam

Lê Văn Mười *

Tóm tắt: Tính hiếu học là một trong những giá trị văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Tính hiếu học được hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước với những điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa đặc thù. Nhờ có tính hiếu học nên người Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về văn hóa vật thể và phi vật thể. Tuy nhiên, để phát huy truyền thống hiếu học thì người Việt Nam cần đổi mới mục đích, nội dung và phương pháp học tập cho phù hợp với yêu cầu của thời đại.

Từ khóa: Người Việt Nam; hiếu học; học tập; giá trị văn hóa; truyền thống.

1. Mở đầu

Việt Nam là một dân tộc có bề dày văn hóa. Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, người Việt Nam đã sáng tạo nên những sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị góp phần vào sự phát triển văn hóa của thế giới. Một trong số các giá trị văn hóa phi vật thể được hình thành từ cách đây hàng ngàn năm và được truyền lại cho đến tận ngày nay là tính hiếu học. Tính hiếu học cùng với các đức tính khác (như lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, cần cù, sáng tạo, tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống) là những giá trị văn hóa truyền thống cơ bản và là di sản tinh thần vô giá của người Việt Nam. Theo Cao Xuân Hạo, người Việt Nam thường rất tự hào về tính hiếu học hình như đã thành một truyền thống lâu đời của dân tộc; người nước ngoài cũng rất sẵn sàng thừa nhận đức tính này của dân ta [2]. Để tạo động lực to lớn cho sự phát triển đất nước, đặc biệt trong bối cảnh phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế, chúng ta cần nhận thức và

phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, trong đó có tính hiếu học.

2. Nguyên nhân và biểu hiện của tính hiếu học

Mọi người trong xã hội đều muốn được học hết khả năng của mình vì muốn có nhiều hiểu biết. Ai cũng đều hiểu rằng, con người khác con vật ở sự hiểu biết. Càng hiểu biết nhiều thì con người càng chinh phục được tự nhiên, càng cải tạo được thế giới và nâng cao chất lượng cuộc sống của mình. Sự hiểu biết có được trước hết bằng con đường học tập, tức là con đường tiếp thu tri thức mà nhân loại đã xây dựng được trong lịch sử. Con người càng được học tập thì càng có nhiều tri thức, càng tách mình ra khỏi thế giới động vật.

Ai cũng hiểu rằng học tập là điều kiện cho sự phát triển của xã hội và con người. Vì thế có thể nói rằng, hiếu học là đặc điểm chung của mọi người, là truyền thống văn hóa của mọi dân tộc. Tuy nhiên, mức độ của tính hiếu học có thể khác nhau ở các

(*) Thạc sĩ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.
ĐT: 0903235050. Email: benen.lemuoi@gmail.com.

dân tộc khác nhau và ở từng người khác nhau tùy theo khả năng và điều kiện sống của mỗi dân tộc và mỗi người. Theo quy luật chung thì tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, điều kiện sống càng khó khăn thì tính hiếu học càng đậm nét vì người ta càng phải cố gắng nâng cao hiểu biết để khắc phục khó khăn.

Việt Nam là nơi có điều kiện tự nhiên tương đối khắc nghiệt (vì bão, lụt, hạn hán thường xuyên xảy ra). Bên cạnh việc phải đương đầu với sức ép của thiên nhiên, người Việt Nam còn phải chịu sức ép từ ngoại bang luôn đe dọa nền độc lập dân tộc. Để tồn tại và phát triển trong điều kiện đó, người Việt Nam phải tìm mọi cách để nâng cao sự hiểu biết cho mình và từ đó tính hiếu học ngày càng đậm nét hơn. Một nguyên nhân khác làm cho tính hiếu học của con người Việt Nam đậm nét là tư tưởng khuyến học của Nho giáo. Trong lịch sử hàng ngàn năm, Nho giáo với những lời khuyên dạy như “học không biết chán”, “sáng được nghe đạo thì chiều có chết cũng đành”, “nhân bất học bất tri lý” đã ảnh hưởng sâu đậm đến cuộc sống của con người Việt Nam. Do điều kiện riêng về tự nhiên, lịch sử và văn hóa như vậy cho nên tính hiếu học ở người Việt Nam có biểu hiện đậm nét hơn so với một số dân tộc khác.

Tính hiếu học người Việt Nam thể hiện ở chỗ, họ rất coi trọng kẻ sĩ (người có học, người học cao hiểu rộng). Trong 4 hạng người của xã hội là sĩ, nông dân, công nhân, thương nhân thì sĩ là hạng người được coi trọng hơn cả, tiếp đó mới là nông dân, rồi công nhân và cuối cùng là thương nhân. Không chỉ người dân mà nhà nước cũng coi trọng kẻ sĩ. Với học sinh, người mà họ biết ơn sau cha và mẹ là thầy giáo. “Mừng một tết cha, mừng hai tết mẹ, mừng ba tết thầy”

là quy định mà học sinh nào cũng biết. Vì hiếu học nên người Việt Nam kính trọng thầy. Họ tự khuyên mình rằng, “nhất tự vi sư, bán tự vi sư” (một chữ là nhờ thầy, nửa chữ cũng là nhờ thầy), “muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy”. Vì hiếu học nên nhiều người thậm chí khi bắt gặp một tờ giấy có viết chữ rơi vãi ở đất thì kính cẩn nhặt lên, đội lên đầu và đem đốt chứ không dùng nó vào những việc thiếu kính cẩn. Các gia đình giàu có thường đón thầy về dạy con cái. Khi một đứa trẻ (con trai) tỏ ra sáng dạ thì cả gia đình cố đầu tư cho trẻ được học đến nơi đến chốn. Dùi mài kinh sử Nho giáo để ra làm quan là ước mơ cao nhất của nam thanh niên. Lấy được chồng Nho sinh là ước mơ lớn nhất của các cô gái con nhà lành. Phụ nữ quan niệm người chồng lý tưởng là người có học: “Chẳng tham rộng cả ao liền. Chỉ tham vì cái bút, cái nghiên anh đồ”. Không chỉ người dân mà nhà nước cũng coi trọng kẻ sĩ. Với quan niệm “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, nhà nước phong kiến Việt Nam thường lệ cứ vài năm lại tổ chức các kỳ thi để chọn ra những người tài. Người tài được chọn (phải là nam giới) bất kể là già hay trẻ, xuất thân từ tầng lớp giàu sang hay tầng lớp nghèo hèn. Hầu hết quan chức trong bộ máy nhà nước đều là người có học, trong số đó nhiều người còn rất trẻ. Những người đỗ đạt cao được ghi vào bia đá để làm gương cho muôn đời, được triều đình ban thưởng, khi vinh quy bái tổ được đón rước trọng thể.

Sử học Việt Nam ghi đậm sự kiện Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên tại khoa thi đầu tiên trong lịch sử đặt ra danh vị tam khôi (bao gồm trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa) được tổ chức tháng 2 năm 1247 (thời vua Trần Thái Tông). Ông là trạng nguyên đầu tiên và trẻ nhất trong lịch sử

khoa cử Việt Nam (thi đồ trạng nguyên khi mới 13 tuổi). Cùng năm đó có Lê Văn Hưu 17 tuổi đồ bằng nhãn và Đặng Ma La 14 tuổi đồ thám hoa. Hay bà Nguyễn Thị Duệ thi đồ tiến sĩ năm Giáp Ngọ 1594 khi bà mới 20 tuổi, trong kỳ thi này bà đỗ thủ khoa, trong khi người thầy dạy chỉ đỗ á khoa. Trong bối cảnh lễ giáo phong kiến khắt khe trọng nam khinh nữ thì một phụ nữ Việt Nam với tinh thần hiếu học vẫn vượt lên để trở thành nữ tiến sĩ đầu tiên và cũng là duy nhất thời kỳ phong kiến Việt Nam.

Các nhà nước phong kiến tuy coi trọng kẻ sĩ nhưng không đảm nhiệm công tác giáo dục (công tác này do người dân tự đảm nhiệm, nhà nước chỉ tổ chức thi tuyển chọn người tài). Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa không những coi trọng kẻ sĩ mà lần đầu tiên trong lịch sử còn đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp giáo dục.

Với nhận thức rằng “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị mở chiến dịch “Chống nạn mù chữ” và ngày 8 tháng 9 năm 1945, Người đã ký ngay sắc lệnh thành lập “Nhà Bình dân học vụ” để phụ trách việc chống mù chữ trong cả nước. Bình dân học vụ là phong trào xóa nạn mù chữ trong toàn dân được phát động ngay khi Nhà nước Việt Nam mới được thành lập. Dốt cũng được coi như giặc (giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm). Phong trào bình dân học vụ có nét đặc sắc là: người đi học được miễn phí; giáo viên dạy không nhận lương; lớp học bình dân được mở khắp nơi (như trong nhà dân, đình chùa, miếu mạo); lớp học có khi chỉ cần mấy chiếc ghế đặt quanh bàn và tám ván mộc làm bảng; người dạy và người học có khi phải dùng phấn hay gạch để viết xuống đất thay cho bút và giấy; ai biết nhiều hơn đều có thể là người dạy.

Người dân được cổ vũ đi học. Tại các nơi nhiều người qua lại (như các ngõ xóm, điểm canh, cổng đình, cổng làng), người ta treo nong (hoặc nia, mẹt, phen cốt) có viết các chữ cái bằng vôi để ai đi qua cũng có dịp ôn các chữ đã học. Một số nơi người ta còn dựng “cổng mù” ở đầu chợ để thúc giục người dân học chữ (ai đọc được thì được đi vào chợ bằng cổng chính, ai chưa đọc được thì phải qua “cổng mù” để vào chợ). Các lớp bình dân học vụ được tổ chức ở mọi nơi (bên bếp lửa nhà sàn, trong những lán nhỏ dưới rừng già và thôn bản...). Nhờ tính hiếu học được khơi dậy qua phong trào bình dân học vụ nên năm 1958 miền Bắc cơ bản đã xóa xong nạn mù chữ. Đến ngày 28 tháng 12 năm 2000, Việt Nam đã thực hiện xong việc xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước theo chuẩn quốc gia [5]. Chứng kiến cảnh học tập trong những ngày khói lửa chiến tranh chống ngoại xâm cũng như trong hòa bình xây dựng đất nước, nhiều người nước ngoài nhận xét rằng, nhân dân Việt Nam hiếu học hơn bất cứ một dân tộc nào trên trái đất.

Xét về tư chất thông minh bẩm sinh thì các dân tộc về cơ bản là như nhau, không có chủng tộc thượng đẳng và cũng không có chủng tộc hạ đẳng. Tuy nhiên, trên thực tế các dân tộc lại có những đóng góp về văn hóa ở mức độ khác nhau cho nhân loại. Có dân tộc đóng góp nhiều, có dân tộc đóng góp ít. Việt Nam là một dân tộc nhỏ nhưng có bề dày về văn hóa. Nhiều nhà văn hóa và nhiều di sản văn hóa của Việt Nam được thừa nhận trên thế giới. Trong điều kiện còn nghèo khó nhưng Việt Nam đã đạt được thành tựu lớn trong giáo dục. Lê Bá Khánh Trình, Đặng Thái Sơn là những người Việt Nam được thế giới biết đến vì có thành tích cao nhất trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế về toán học và âm nhạc. Và gần đây Ngô

Bảo Châu lại làm rạng danh cho dân tộc Việt Nam vì giải thưởng toán học Field danh giá.

Ngày nay, nhiều gia đình người Việt Nam sinh sống làm ăn trên khắp thế giới, bên cạnh những lo toan của cuộc sống hàng ngày, họ luôn tạo điều kiện cho con em mình học tập và đã đạt được những kết quả cao qua các kỳ thi ở các cấp học. Mức chi tiêu cho giáo dục của các gia đình chiếm tỷ trọng lớn. Nhiều gia đình thậm chí dành toàn bộ tài sản có giá trị để cho con đi học. Việt Nam có số lượng lớn du học sinh ở nước ngoài.

Tuy có mức sống về vật chất (mức thu nhập) còn thấp nhưng Việt Nam lại có chỉ số phát triển giáo dục mức độ cao. Chính tính hiếu học đã giúp cho con người Việt Nam tuy còn nghèo về vật chất nhưng vẫn có được những kết quả tự hào về văn hóa như vậy. Việt Nam đứng là một trong những dân tộc hiếu học nhất trên thế giới.

3. Phát huy tính hiếu học trong điều kiện phát triển nền kinh tế tri thức

Người Việt Nam nhìn chung là hiếu học. Đó là một yếu tố quan trọng để phát triển đất nước. Trong điều kiện của nền kinh tế tri thức, đức tính hiếu học càng có vai trò quan trọng, vì nếu không hiếu học thì không có học, không có học thì không có tri thức. Tuy nhiên, so với nhiều nước trên thế giới Việt Nam không phải là nước có trình độ cao về khoa học và công nghệ, không có nhiều phát minh và sáng chế lớn. Điều này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân ở chỗ, tính hiếu học chưa có điều kiện để được phát huy một cách tốt nhất. Để phát huy một cách tốt nhất tính hiếu học thì người Việt Nam cần đổi mới mục đích, nội dung và phương pháp học tập của mình.

Người Việt Nam tuy hiếu học nhưng mục đích, nội dung và phương pháp học

tập của con người Việt Nam không phải bao giờ cũng được xác định một cách phù hợp. Có ý kiến cho rằng, người Việt Nam tuy ham học, có khả năng tiếp thu nhanh, song ít khi học đến đầu đến đuôi; họ học không phải là mục tiêu tự thân (nhỏ học vì gia đình, lớn lên học vì sĩ diện, vì kiếm công ăn việc làm, ít vì chí khí, đam mê); họ coi sự học là một phương tiện để đổi đời, để làm quan, để thoát khỏi cảnh nghèo khó bần hàn. Chẳng hạn, Đào Duy Anh nhận định: “Về tính chất tinh thần thì người Việt Nam đại khái thông minh, nhưng xưa nay ít thấy có người trí tuệ lỗi lạc phi thường. Sức ký ức thì phát đạt lắm, mà giàu trí nghệ thuật hơn trí khoa học, song thích văn chương phù hoa hơn là thực học”, “Nào sáng tác thì ít, nhưng mà bắt chước, thích ứng và dung hóa thì rất tài” [1, tr.23]. Nguyễn Văn Huyền cho rằng: “Nếu như xưa kia ở Việt Nam có một kỷ luật tinh thần, thì lại chưa hề có một nền giáo dục liên tục, một sự phát triển liên tục việc trau dồi trí tuệ. Người ta đưa quá nhiều vào trí nhớ của trẻ em, điều đó làm thui chột một số năng lực não bộ của người Việt, óc suy diễn, rất cần thiết cho nghiên cứu khoa học, chưa bao giờ được phát triển một cách có hệ thống. Thành ra ở người Việt có sự lười biếng về trí óc, có xu hướng dễ dàng chấp nhận hết thầy và bắt chước hết thầy. Nhà Nho xưa kia, ra làm quan sau khi học nhiều kinh sách chất đầy trí nhớ, phần lớn chẳng còn nghĩ đến sự trau dồi trí tuệ nữa. Họ già trước tuổi. Hoặc là, họ can đảm chịu nhằn nhục để khỏi bị một ai đó ganh tị mà kiếm chuyện lôi thôi. Hoặc là, họ sa đà vào một thú chơi nông, đôi khi cũng tinh tế đấy, nhưng dễ làm cạn kiệt đi ở nòi giống cái năng lực phát minh hoặc thậm chí năng lực lập luận khoa học” [3, tr.52 - 53].

Những nhận xét trên về con người Việt Nam tuy không hoàn toàn đúng nhưng có yếu tố hợp lý ở chỗ, nền giáo dục của Việt Nam từ xưa đến nay vẫn còn nhiều nhược điểm trong việc xác định mục đích, nội dung và phương pháp học tập; vì thế mặc dù con người Việt Nam thông minh và hiếu học nhưng nền giáo dục Việt Nam lại không đào tạo được nhiều người tài giỏi như chúng ta mong muốn. Nhược điểm trong việc xác định mục đích, nội dung và phương pháp học tập thể hiện rõ trong nền giáo dục phong kiến. Trong nền giáo dục ấy, sách học chủ yếu là tứ thư ngũ kinh. Người học được đánh giá cao bởi trí nhớ chứ không phải bởi sự sáng tạo. Người học về thơ, văn, sử, triết thì nhiều mà người học về khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật thì ít. Nhiều người học nhằm mục đích để được làm quan hoặc để có danh; ít người học nhằm mục đích để cải tạo tự nhiên hoặc để thỏa mãn khát vọng tìm ra chân lý.

Những nhược điểm trên không phải chỉ có ở thời phong kiến mà còn rơi rớt lại trong nền giáo dục hiện nay. Về cơ cấu, nền giáo dục hiện nay đang có sự mất cân đối giữa dạy nghề, cao đẳng, đại học. Người được đào tạo làm thầy thì nhiều; còn người được đào tạo làm thợ thì ít. Về nội dung giáo dục, người ta dành nhiều thời gian để dạy những kiến thức lạc hậu và vô bổ; coi nhẹ việc dạy kỹ năng lao động, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, năng lực tư duy, khả năng cảm thụ, đức tính trung thực, năng lực sáng tạo, trí tưởng tượng. Học sinh tuy học nhiều nhưng có ít kiến thức bổ ích vì phải học nhiều cái vô bổ; điều đó giống như chúng ta ăn rau tàu bay “tuy no bụng nhưng chẳng có chất gì” (lời của Hồ Ngọc Đại). Phương pháp học tập chủ yếu là thầy đọc trò ghi. Kết quả học tập được đánh giá theo tiêu chuẩn là thuộc bài. Có quá nhiều kỳ thi

và chủ yếu là thi học thuộc lòng. Hiện tượng học giả bằng thật đang phổ biến. Nhiều người đi học với mục đích không phải để có tri thức mà là để có bằng cấp. Nhiều cơ sở giáo dục hoạt động chủ yếu vì lợi nhuận, chứ không phải chủ yếu nhằm mục đích đào tạo ra những người lao động có chất lượng. Những người được đào tạo còn xa mới đáp ứng được đòi hỏi của xã hội về cả chất lượng lẫn số lượng [4].

Hiếu học là điều kiện cần để có một nền giáo dục tốt. Nhưng bên cạnh hiếu học thì người học cần xác định đúng mục đích, nội dung và phương pháp học tập. Nếu không như vậy thì người học dù thông minh và hiếu học, dù bỏ nhiều thời gian, công sức và tiền của để học nhưng vẫn không thể nhận được kết quả tương xứng với thời gian và sức lực bỏ ra, thậm chí họ lại nhận được những điều sai lầm hoặc vô bổ.

Nền giáo dục Việt Nam hiện nay có thuận lợi so với nền giáo dục của nhiều quốc gia khác ở chỗ, con người Việt Nam hiếu học và thông minh; bên cạnh đó Nhà nước Việt Nam lại hết sức quan tâm đầu tư cho giáo dục (coi giáo dục là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; trong điều kiện còn nghèo nhưng đã dành một nguồn ngân sách đáng kể cho giáo dục). Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển nền giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, hiệu quả của nền giáo dục Việt Nam hiện nay còn thấp, chất lượng và số lượng nguồn nhân lực do nền giáo dục tạo ra chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Việt Nam đang rất thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao và chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam cũng thấp hơn so với nhiều nước khác. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là sự yếu kém của những người quản lý giáo dục. Vấn đề đổi mới nội dung và phương

pháp học tập đã đặt ra từ lâu nhưng hiện nay vẫn chưa nhận được những giải pháp đúng đắn và khả thi từ phía những người quản lý giáo dục. Bên cạnh đó, còn có nguyên nhân từ phía người học. Nhiều người học vì mục đích bằng cấp chứ không vì mục đích tri thức (những người học vì mục đích này có nhiều ở bậc đại học hệ phi chính quy, kể cả ở bậc đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ); đối với nhóm đối tượng này, họ học không phải để đáp ứng yêu cầu cao của công việc mà là để hợp thức hóa vị trí công tác hiện tại hoặc để tìm một chỗ đứng nào đó. Ở nhóm đối tượng học sinh học nghề từ trình độ trung cấp nghề đến trình độ đại học, nhìn chung mức độ học tập của họ vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều người chủ yếu học vì gia đình, vì lòng sỹ diện.

Hiện tượng trên có lỗi của người học một phần và của cơ chế tuyển chọn lao động. Bởi vì, cơ chế tuyển chọn lao động như hiện nay (được áp dụng trong các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước) đang khuyến khích những người lao động có bằng cấp mà không khuyến khích những người lao động có tri thức, khuyến khích học chứ không khuyến khích thực học (dù không có tri thức nhưng hễ có bằng cấp là người ta có thể được tuyển dụng). Thậm chí khi tuyển chọn người lao động, tiêu chuẩn thành phần xuất thân và có bằng cấp được nhiều cơ quan tuyển chọn ưu tiên hơn so với tiêu chuẩn có tri thức. Cơ chế tuyển chọn đó là nguyên nhân quan trọng làm cho người học xác định không đúng mục đích học tập. Ngoài ra, trước xu hướng hội nhập sâu rộng với thế giới, đại đa số người học cũng như gia đình của học sinh, sinh viên gần như bị mất phương hướng trong định hướng nghề nghiệp. Họ học xong nhưng bị thất nghiệp, hoặc phải làm việc trái ngành nghề được học, hoặc họ không đáp ứng

được yêu cầu của công việc. Học mà không mang lại hiệu quả thì không những lãng phí về vật chất mà còn lãng phí về thời gian. Điều đó làm cho tính hiếu học, ham học ở nhiều người bị thui chột, ảnh hưởng tiêu cực tới ước mơ, lòng quyết tâm trong việc học tập để trở thành những người lao động thực sự có ích cho xã hội.

4. Kết luận

Người Việt Nam trọng hiếu học. Nhưng nền giáo dục của Việt Nam vẫn đang đứng trước tình hình khủng hoảng vì mục đích, nội dung và phương pháp giáo dục chưa phù hợp với yêu cầu phát triển mới của đất nước. Đất nước đang cấp bách đòi hỏi chúng ta phải thực hiện một cuộc cải cách giáo dục toàn diện và triệt để, thực hiện triệt để chủ trương xã hội hóa giáo dục trên cơ sở truyền thống hiếu học của dân tộc; bên cạnh đó phải xây dựng hệ thống giáo dục thật sự hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới. Nếu không làm được như vậy thì Việt Nam sẽ không thể có được một nền giáo dục theo chuẩn mực của thời đại, không đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội, và do đó dân tộc Việt Nam ta không thể sánh vai với các cường quốc năm châu.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (1951), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Bốn Phương, Sài Gòn.
- [2] Cao Xuân Hạo (2001), “Về tính hiếu học của con người Việt Nam”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 86.
- [3] Nguyễn Văn Huyền (2005), *Văn minh Việt Nam*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [4] Hoàng Tụy (2009), “Giáo dục xin cho tôi nói thẳng”, *Tạp chí Tia sáng*, số 19.
- [5] Nguyễn Xuân Thìn (2011), “Dân tộc cường thịnh từ việc học”, *Báo Điện tử Xa lộ tin tức*, ngày 26/5.

